TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2021/DS-ST.
Ngày: 30-12- 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm
2. Ông Bùi Thế Hanh

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Nghiêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST- DS ngày 15/7/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98a/2021/QĐXXST-DS ngày 06/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1945(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn Trung Hưng, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Triệu Thị H, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn Trung Hòa, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chị Triệu Thị H ủy quyền cho anh Nguyễn Văn N tham gia tố tụng

2.Chị Trần Thị N, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Trung Hưng, xã Mai Trung, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Năm 2008 Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho ông số tiền ông đặt cọc cho anh T để mua đất là

217.066.640đồng, trong đó số tiền gốc là 148.000.000đồng tiền gốc và 69.066.640đồng tiền lãi. Sau đó, anh T và ông T có thương lượng với ông rút đơn về để hai bêntự giải quyết ông không lấy lãi của anh T. Anh T có trả cho ông N được 80.000.000đồng. Số tiền còn lại hai bên thỏa thuận anh T và ông T viết giấy biên nhận vay tiền ngày 24/7/208 còn nợ ông số tiền là 60.000.000đồng thời gian trả làm 2 lần đến tháng 12/208 anh T và ông T trả 20.000.000đồng còn 40.000.000đồng hẹn đến tháng 5/2009 âm lịch trả và anh T còn viết 01 giấy thỏa thuận nhận nợ ngày 24/7/2008 nhận trả nợ cho anh Hanh thay cho ông N số tiền anh Hanh đã đặt cọc cho ông là 10.000.000đồng nhưng anh T cũng không trả nợ cho anh Hanh mà ông N phải đứng ra trả cho ông Hanh. Nay ông N yêu cầu ông T và anh T phải thanh toán trả cho ông số tiền nợ là 60.000.000đồng. Ngoài ra, anh T phải trả cho ông số tiền là 10.000.000đồng nhận trả nợ của anh Hanh. Tổng cộng là 70.000.000đồng. Anh T nhận trả cho ông N toàn bộ số tiền còn nợ là 70.000.000đồng thì ông đồng ý và ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T.

Ông N xác định số tiền anh T còn nợ là tài sản chung của vợ chồng ông và đề nghị anh T trả cho vợ chồng ông.

Anh Nguyễn Văn T trình bày: Về việc ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu anh và bố anh là ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông N số tiền nợ là 70.000.000 đồng. Tòa án có cho anh xem 01 giấy biên nhận vay tiền ngày 24/7/208 có chữ ký của anh và ông T. Anh T xác định là anh và ông T có ký vào biên nhận vay nợ với ông N là đúng. Anh T xác định bố anh là ông T đã trả cho anh N được số tiền 20.000.000 đồng và anh đã trả cho anh Hanh số tiền 10.000.000đồng nhưng do tin tưởng nên anh không viết giấy biên nhận nên anh không có chứng cứ gì để chứng minh. Nay ông N khởi kiện yêu cầu anh và ông T phải trả số tiền 70.000.000đồng thì anh đồng ý và nhận trả cho ông N 70.000.000đồng và xin được trả dần. Anh T xác định đây là khoản nợ của anh với ông N không liên quan gì đến ông T, anh không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cùng anh.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa buộc anh T phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ là 70.000.000 đồng và xin rút yêu cầu đối với ông T. Ông T, anh T, chị N xin vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Áp dụng các Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688; của Bộ luật Dân sự ; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Triệu Thị H số tiền còn nợ là 70.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Nguyễn Văn T.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đồng.

Hoàn trả anh Nguyễn Văn N số tiền 1.700.000đồng(một triệu bẩy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0000801 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ anh Nguyễn Văn N đã nộp hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đầy đủ, đúng pháp luật.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào 02 giấy biên nhận gốc do ông Nguyễn Văn N giao nộp, lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T thanh toán số tiền còn nợ theo 02 giấy biên nhận nợ chốt ngày 24/7/2008 (âm lịch) là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T, ông T là bị đơn đang cư trú trên địa bàn huyện Hiệp Hòa vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị N tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn: Qua lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ do các bên xuất trình và quá trình tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Do mối quan hệ quen biết năm 2007 -2008 ông Nguyễn Văn N có cho anh Nguyễn Văn T vay tiền và đặt cọc tiền mua đất của nhau nhưng không thành và có tranh chấp khởi kiện. Sau đó ông N, anh T và ông T lại thương lượng về việc trả tiền và anh T có trả cho ông N 80.000.000đồng và còn nợ lại

70.000.0000đồng nên ngày 24/7/2008 hai bên có chốt với nhau 02 giấy thỏa thuận nhận nợ tổng cộng là 70.000.000đồng nhưng anh T và ông T đến nay vẫn không trả được nợ cho ông N theo thỏa thuận nên ông N khởi kiện yêu cầu ông T, ông T phải thanh toán trả nợ cho ông. Anh T đồng ý trả nợ cho ông N số tiền 70.000.000đồng. Ông N đồng ý và xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy việc tranh chấp giữa ông N và anh T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Do anh T, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh N khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền còn nợ là có căn cứ.

[3] Về nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán: Tại phiên tòa anh N xác định số tiền anh T còn nợ là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho vợ chồng anh số tiền còn nợ, anh T cũng thừa nhận có nợ anh N tiền theo giấy biên nhận và đồng ý trả nợ nhưng xin trả dần. Ông N xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh T phải thanh toán số tiền còn nợ là 70.000.000đồng cho vợ chồng ông T và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông N đối với ông T.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của anh N được chấp nhận nên bị đơn là anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật là 3.500.000đồng. Hoàn trả anh Nguyễn Văn N số tiền 1.700.000đồng(một triệu bẩy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0000801 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Áp dụng các Điều 463; 466; khoản 2 Điều 357; 468; 469; 688; của Bộ luật Dân sự ; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn N.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Triệu Thị H số tiền còn nợ là 70.000.000đồng(bẩy mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N đối với ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.500.000đồng

Hoàn trả anh Nguyễn Văn N số tiền 1.700.000đồng(mười hai triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số AA/2017/0000801 ngày 15/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-TAND T. Bắc Giang;
-VKSND H. Hiệp Hòa (2 b);
-Chi cục THADS H. Hiệp Hòa;
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đào Thị Oanh